TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2026/QĐST-VDS	*Hưng Yên, ngày 26 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Mạnh Quyền.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên.

Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên họp: Ông Trần Văn Mừng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 143/2025/TLST-VDS, ngày 25/12/2025, về việc: "*Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự*" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2026/QĐST-VDS, ngày 12 tháng 02 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***** *Người yêu cầu:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

* *Người bị yêu cầu:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Cụ Nguyễn Văn C, sinh năm 1934; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên;

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 12 Ngách 35/41 phố Đ, phường T, TP. H;

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ch Cc906-671 H, phường N, TP. H;

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Hưng Yên;

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên;

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: P401, Tt10b, ngõ 186, phố N, phường B, TP. H;

- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 19 Ngách 189/81 đường H, phường N, TP. H;

- Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm H, thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên;

Chỗ ở hiện nay: thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên;

- Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 2000; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Căn cứ vào đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự; lời khai của người yêu cầu; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ việc dân sự thì nội dung yêu cầu giải quyết việc dân sự được tóm tắt như sau:

Cụ Nguyễn Văn C và cụ Nguyễn Thị T (cụ T đã chết) có quan hệ là vợ chồng, hai cụ sinh được 09 người con, gồm: bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn H2 (ông H2 đã chết, có 01 người con là Nguyễn Văn M), bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn C (ông C đã chết, có 02 người con là Nguyễn Thị X và Nguyễn Văn Th1), ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B. Trong số 09 người con của cụ C và cụ Tóp, có bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974, địa chỉ thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, khi mới sinh ra bị viêm màng não, trí tuệ không phát triển, đặt đâu ngồi, nằm đó. Mọi sinh hoạt cá nhân của bà B từ khi sinh ra cho đến nay đều không tự chủ được, hoàn toàn phụ thuộc vào người thân trong gia đình chăm sóc. Gia đình cũng chưa bao giờ đưa bà B đi điều trị ở bất kỳ cơ sở y tế nào. Tình trạng sức khoẻ của bà B hiện nay ngồi, nằm tại chỗ, không nhận thức và làm chủ được hành vi. Bà B được hưởng trợ cấp xã hội từ năm 2010 cho đến nay, dạng khuyết tật đặc biệt nặng về Trí tuệ.

Tòa án tiến hành trưng cầu giám định Viện pháp y tâm thần Trung ương, kết quả kết luận: "*bà Nguyễn Thị B bị bệnh chậm phát triển tâm thần nặng kèm tật chứng hành vi đáng kể; theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD10), có mã bệnh là F72.1. Tại thời điểm giám định, bà Nguyễn Thị B mất khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi*".

Người giám hộ theo pháp luật của bà Nguyễn Thị B là cụ Nguyễn Văn C (bố ruột bà B) có đơn từ chối làm người giám hộ do tuổi cao, sức yếu.

Quá trình tiến hành tố tụng, các đương sự đều có quan điểm nhất trí yêu cầu Toà án tuyên bố bà Nguyễn Thị B mất năng lực hành vi dân sự và có văn bản thoả thuận cử ông Nguyễn Văn T (anh trai ruột của bà B) là người giám hộ cho bà B, cử bà Nguyễn Thị Th (là chị gái ruột của bà B) là người giám sát người giám hộ.

Tại phiên họp, các đương sự đều vắng mặt và đều đề nghị Toà án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên phát biểu quan điểm và đường lối giải quyết việc dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình thụ lý, chuẩn bị phiên họp và tại phiên họp. Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào Điều 22, 46, 47, 48, 49, 51, 53, 57, 58, 59 của Bộ luật dân sự; Điều 376, 378, Điều 27, 35, 39, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí tòa án. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Văn T. Tuyên bố bà Nguyễn Thị B là người mất năng lực hành vi dân sự. Chấp nhận sự thoả Th1ận của các đương sự về việc cử ông Nguyễn Văn T là người giám hộ cho bà Nguyễn Thị B; cử bà Nguyễn Thị Th làm người giám sát việc giám hộ. Về lệ phí: Miễn lệ phí sơ thẩm việc dân sự cho ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xác định thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, xác định thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị B bị viêm màng não từ khi mới sinh ra, đến nay bà B không có khả năng nhận thức và khả năng làm chủ hành vi, ngồi, nằm tại chỗ không đi lại được, mọi sinh hoạt đều phụ thuộc vào người thân chăm sóc. Ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Toà án tuyên bố bà B mất năng lực hành vi dân sự; bà B có HKTT và nơi cư trú tại thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 35, khoản 1 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và xác định quan hệ pháp luật "*Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự*" là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành phiên họp vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét nội dung đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn T thì thấy rằng:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và kết luận giám định của Viện pháp y tâm thần Trung ương thì người bị yêu cầu bà Nguyễn Thị B "*mất khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi*". Do vậy, ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị B mất năng lực hành vi dân sự; theo quy định tại Điều 22 của Bộ luật dân sự và Điều 376 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu của ông T có căn cứ cần được chấp nhận.

Theo quy định của pháp luật, việc bà B bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự thì, cụ Nguyễn Văn C là bố đẻ của bà B đương nhiên làm người giám hộ cho bà B nhưng cụ C có đơn từ chối làm người giám hộ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có văn bản thoả thuận thống nhất, cử ông Nguyễn Văn T làm người giám hộ cho bà B, cử bà Nguyễn Thị Th làm người giám sát việc giám hộ. Xét đây là sự tự

nguyện thỏa thuận của các đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

Quyền và nghĩa vụ của người giám hộ được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58; quyền và nghĩa vụ của người giám sát việc giám hộ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 51 của Bộ luật dân sự.

[3] Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu lệ phí sơ thẩm việc dân sự nhưng ông T có đơn xin miễn lệ phí do là đối tượng người cao tuổi. Căn cứ khoản 2 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ lệ phí sơ thẩm việc dân sự cho ông Nguyễn Văn T, ông T không phải nộp lệ phí sơ thẩm việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] **Về điều luật áp dụng**:

Căn cứ vào Điều 22, 46, 47, 48, 49, 51, 53, 57, 58, 59 của Bộ luật dân sự; Điều 370, 371, 372, 376, 378, khoản 1 Điều 27, Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bạn thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Quyết định:

- Tuyên bố bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974. HKTT và nơi cư trú: thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên là người mất năng lực hành vi dân sự.

- Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự:

+ Cử ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960. HKTT và nơi cư trú: thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên là người giám hộ cho bà Nguyễn Thị B.

Ông Nguyễn Văn T thực hiện quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58, Điều 59 của Bộ luật dân sự.

+ Cử bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958. HKTT và nơi cư trú: Ch Cc906-671 H, phường N, TP. H là người giám sát việc giám hộ.

Bà Nguyễn Thị Th thực hiện quyền và nghĩa vụ của người giám sát việc giám hộ theo quy định tại khoản 4 Điều 51, Điều 59 của Bộ luật dân sự.

[**3] Về lệ phí**: Miễn toàn bộ lệ phí sơ thẩm việc dân sự cho ông Nguyễn Văn T.

[4] Quyền kháng cáo, kháng nghị.

+ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

+ Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đã ký

Bùi Mạnh Quyền